HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ CÁC BON TRÊN CƠ SỞ ĐẢM BẢO MỤC TIÊU HIỆU QUẢ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRẦN LINH HUÂN
Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh
TRẦN MINH CHƯƠNG
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
PHẠM THỊ HỒNG TÂM
Trường Đại học Phan Thiết

Nhận bài ngày 03/3/2025.Sửa chữa xong 08/3/2025. Duyệt đăng 13/3/2025.

Abstract

Carbon tax is considered a prominent policy instrument for decreasing the consumption of CO2 and protect the environment. However, in Vietnam, the legal framework for carbon tax still has many limitations, therefore need to be improved to ensure its effectiveness in environmental protection and sustainable development. The article analyzes and evaluates the necessity of improving the legal framework for carbon tax to meet the goals of environmental protection and sustainable development. It also clarifies the key requirements in this issue and proposes legal solutions.

Keywords: *Carbon tax, legal framework improvement, objectives, environmental protection, sustainable development.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) đang diễn ra ngày càng phức tạp, việc kiểm soát và giảm phát thải khí nhà kính (KNK) trở thành một trong những mục tiêu cấp bách của các quốc gia trên thế giới. Thuế các-bon (TCB) được xem là một công cụ kinh tế quan trọng nhằm điều chỉnh hành vi sản xuất và tiêu dùng, hướng đến giảm thiểu phát thải khí CO_2 và các loại KNK khác, từ đó góp phần bảo vệ môi trường (BVMT) và phát triển bền vững (PTBV). Trên thế giới, nhiều quốc gia đã áp dụng TCB như một chính sách hiệu quả để thúc đẩy nền kinh tế xanh và chuyển đổi năng lượng. Tại Việt Nam, mặc dù đã có các chính sách về BVMT và ứng phó với BĐKH nhưng hệ thống pháp luật về TCB vẫn còn nhiều hạn chế, chưa hoàn thiện cả về khung pháp lý, phương thức thu thuế, cũng như cơ chế giám sát và thực thi. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện pháp luật về TCB, không chỉ để BVMT mà còn giúp Việt Nam hội nhập tốt hơn vào xu hướng PTBV toàn cầu.

2. Sự cần thiết của việc hoàn thiện pháp luật về thuế các bon trong việc đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

2.1. Góp phần giảm phát thải khí nhà kính

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực giảm phát thải KNK và thúc đẩy PTBV [1]. Cơ chế thuế này tạo ra động lực kinh tế buộc các doanh nghiệp và cá nhân phải điều chỉnh hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng giảm thiểu lượng khí CO_2 thải ra môi trường (MT). Khi chi phí phát thải gia tăng, các doanh nghiệp (DN) sẽ có xu hướng đổi mới công nghệ, đầu tư vào các giải pháp năng lượng sạch hơn nhằm cắt giảm chi phí và nâng cao tính cạnh tranh. Đồng thời, TCB cũng góp phần khuyến khích sự chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và

Email: tranlinhhuanhcmu@gmail.com

giảm áp lực lên MT. Vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về TCB không chỉ giúp thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự PTBV trong dài hạn.

2.2. Thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế xanh

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Cơ chế thuế này không chỉ tạo áp lực buộc các doanh nghiệp phải giảm phát thải KNK mà còn tạo ra nguồn tài chính để đầu tư vào năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và các dự án PTBV [2]. Khi chi phí phát thải được tính vào giá thành sản xuất, các DN sẽ có động lực chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng kinh tế tuần hoàn, tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến MT. Đồng thời, chính sách TCB cũng giúp định hướng thị trường, khuyến khích đổi mới công nghệ và thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp thân thiện với MT, từ đó góp phần xây dựng một nền kinh tế xanh, bền vững và hiệu quả hơn.

2.3. Đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế về môi trường

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế về MT, đặc biệt là các mục tiêu giảm phát thải KNK theo Hiệp định Paris về BĐKH và lộ trình Net Zero. Một hệ thống TCB hiệu quả không chỉ giúp các quốc gia kiểm soát lượng khí thải mà còn tạo động lực kinh tế để DN chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh, thân thiện với MT. Bên cạnh đó, trong bối cảnh các quốc gia và khu vực như Liên minh châu Âu (EU) áp dụng các cơ chế điều chỉnh các-bon xuyên biên giới (CBAM), việc hoàn thiện khung pháp lý về TCB sẽ giúp giảm thiểu rủi ro bị áp thuế bổ sung hoặc các biện pháp trừng phạt thương mại do không tuân thủ tiêu chuẩn phát thải. Điều này không chỉ bảo vệ lợi ích kinh tế quốc gia mà còn nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế trong lĩnh vực PTBV và chống BĐKH.

2.4. Tạo nguồn thu cho ngân sách để đầu tư vào bảo vệ môi trường

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB không chỉ giúp kiểm soát và giảm thiểu phát thải KNK mà còn tạo ra nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước, phục vụ các mục tiêu BVMT. Nguồn tài chính thu được từ TCB có thể được sử dụng để đầu tư vào các dự án phát triển năng lượng tái tạo, giao thông xanh, quản lý tài nguyên thiên nhiên cũng như nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH [3]. Điều này không chỉ góp phần giảm áp lực lên ngân sách nhà nước trong việc khắc phục hậu quả của thiên tai, ô nhiễm MT mà còn thúc đẩy nền kinh tế chuyển đổi theo hướng bền vững. Do đó, việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về TCB là một giải pháp quan trọng giúp cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và BVMT, hướng tới một tương lai phát triển xanh và bền vững.

2.5. Hạn chế các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậy

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB đóng vai trò quan trọng trong việc hạn chế các tác động tiêu cực của BĐKH, đặc biệt là giảm ô nhiễm không khí, nước và đất do phát thải KNK. Khi TCB được áp dụng hiệu quả, các DN và cá nhân sẽ có xu hướng cắt giảm lượng phát thải, chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng sạch hơn, từ đó cải thiện chất lượng MT sống. Điều này không chỉ giúp giảm nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến ô nhiễm như bệnh hô hấp và tim mạch, mà còn bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là những nhóm dễ bị tổn thương như người nghèo, người cao tuổi và trẻ em. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chặt chẽ phát thải KNK thông qua TCB cũng góp phần ổn định hệ sinh thái, giảm tác động tiêu cực của BĐKH, hướng tới một MT sống bền vững hơn cho thế hệ hiện tại và tương lai.

2.6. Cạnh tranh công bằng và khuyến khích đổi mới sáng tạo

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy cạnh tranh công bằng và khuyến khích đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sạch. Khi TCB được áp dụng, các DN sẽ có động lực mạnh mẽ để đầu tư vào công nghệ xanh, tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm giảm chi phí phát thải. Điều này không chỉ giúp nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế mà còn tạo ra một MT cạnh tranh lành mạnh, trong đó các DN tiên phong trong công nghệ sạch sẽ có lợi thế lớn hơn. Bên cạnh đó, TCB còn góp phần định hướng thị trường theo hướng PTBV, thúc đẩy sự sáng tạo trong việc tìm kiếm các giải pháp giảm phát thải và sử dụng năng lượng hiệu quả hơn. Nhờ vậy, nền kinh tế không chỉ giảm

bớt sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng hóa thạch mà còn tiến gần hơn đến mục tiêu phát triển xanh, bền vững trong dài hạn.

3. Những yêu cầu cầu đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật về thuế các bon trên cơ sở đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

3.1. Xây dựng khung pháp lý rõ ràng, đầy đủ và phù hợp với thực tiễn

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB cần đáp ứng các yêu cầu quan trọng nhằm BVMT và thúc đẩy PTBV. Trước hết, cần xây dựng một khung pháp lý rõ ràng, đầy đủ và phù hợp với thực tiễn, trong đó xác định cụ thể đối tượng chịu thuế, phương thức thu thuế, mức thuế suất và cơ chế giám sát để đảm bảo tính minh bạch, khả thi trong thực thi. Đồng thời, cơ chế định giá các-bon phải được thiết lập hợp lý, vừa tạo động lực giảm phát thải, vừa tránh gây gánh nặng quá lớn lên DN và nền kinh tế. Hệ thống thu thuế và giám sát cũng cần được hoàn thiện theo hướng hiện đại, có cơ chế đo lường, báo cáo và kiểm tra phát thải hiệu quả, góp phần đảm bảo việc triển khai TCB đạt được mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, nguồn thu từ TCB cần được quản lý và sử dụng hợp lý, ưu tiên tái đầu tư vào các dự án phát triển năng lượng tái tạo, hỗ trợ DN trong quá trình chuyển đổi xanh và nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH. Hơn nữa, pháp luật về TCB phải có tính linh hoạt, có thể điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và xu hướng toàn cầu, đồng thời đảm bảo sự hài hòa với các cam kết quốc tế của Việt Nam trong việc giảm phát thải KNK.

3.2. Định giá các-bon hợp lý, đảm bảo công bằng và hiệu quả kinh tế

Một trong những yêu cầu quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật về TCB là xây dựng cơ chế định giá khí thải CO_2 hợp lý, bảo đảm công bằng và hiệu quả kinh tế. Việc định giá các-bon cần được thiết lập theo một lộ trình phù hợp, đảm bảo mức thuế không tạo gánh nặng quá lớn cho DN và nền kinh tế nhưng vẫn đủ sức tác động đến hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng giảm phát thải. Đặc biệt, TCB có thể được áp dụng linh hoạt theo từng ngành nghề và lĩnh vực với mức độ phát thải khác nhau, nhằm tạo điều kiện cho các DN dần thích ứng và chuyển đổi sang công nghệ sạch. Ngoài ra, việc định giá cũng cần tính đến các yếu tố cạnh tranh quốc tế, tránh ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực sản xuất trong nước và đồng thời bảo đảm sự tương thích với các cơ chế định giá các-bon toàn cầu.

3.3. Thiết lập cơ chế thu thuế và giám sát minh bạch, hiệu quả

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB đòi hỏi phải thiết lập một cơ chế thu thuế và giám sát minh bạch, hiệu quả nhằm đảm bảo tính khả thi và công bằng trong thực thi chính sách. Cụ thể, hệ thống pháp luật cần quy định rõ ràng về đối tượng chịu thuế, phương thức thu nộp, mức thuế suất và trách nhiệm của DN cũng như cơ quan quản lý trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Đồng thời, cần xây dựng một hệ thống giám sát chặt chẽ để kiểm soát chính xác lượng phát thải, từ đó ngăn chặn tình trạng kê khai không trung thực hoặc trốn thuế. Việc áp dụng các công nghệ đo lường hiện đại và hệ thống báo cáo, kiểm chứng đáng tin cậy sẽ giúp tăng cường tính minh bạch trong quá trình thực thi chính sách. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là các mô hình giám sát phát thải tiên tiến như hệ thống MRV (Measurement, Reporting and Verification - Đo lường, Báo cáo và Kiểm chứng), nhằm bảo đảm tính chính xác, khách quan và khả năng truy xuất dữ liệu.

3.4. Sử dụng nguồn thu từ thuế các bon một cách hợp lý và hiệu quả

Việc sử dụng nguồn thu từ TCB một cách hợp lý và hiệu quả đóng vai trò quan trọng trong việc BVMT và thúc đẩy PTBV. Thay vì chỉ coi đây là một nguồn thu ngân sách đơn thuần, cần có các quy định pháp lý cụ thể nhằm đảm bảo nguồn thu này được tái đầu tư vào các dự án giảm phát thải, phát triển năng lượng tái tạo và hỗ trợ DN trong quá trình chuyển đổi sang mô hình sản xuất xanh. Đồng thời, một phần nguồn thu có thể được sử dụng để nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH và tài trợ cho các chương trình nghiên cứu, đổi mới công nghệ nhằm giảm phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Việc phân bổ và giám sát nguồn thu TCB cần minh bạch, có cơ chế báo cáo và kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo tài chính được sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả thực tiễn trong việc giảm phát thải và nâng cao chất lượng MT sống.

3.5. Đảm bảo tính linh hoạt và khả năng thích ứng với xu hướng toàn cầu

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB cần đảm bảo tính linh hoạt và khả năng thích ứng với xu hướng

toàn cầu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế trong nước PTBV, đồng thời đáp ứng các yêu cầu quốc tế về giảm phát thải KNK. Do đó, hệ thống pháp luật cần có cơ chế điều chỉnh mức thuế theo lộ trình hợp lý, phù hợp với tình hình kinh tế và mức độ phát triển của thị trường các-bon trong nước và thế giới. Bên cạnh đó, cần quy định rõ ràng về khả năng kết hợp TCB với các công cụ tài chính khác như thị trường mua bán khí thải, giúp DN linh hoạt hơn trong việc tuân thủ nghĩa vụ giảm phát thải. Đồng thời, cần tạo điều kiện để các DN tham gia vào cơ chế trao đổi tín chỉ các-bon, giúp tối ưu hóa chi phí giảm phát thải và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

3.6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và đảm bảo tuân thủ cam kết quốc tế

Việc hoàn thiện pháp luật về TCB cần được thực hiện theo hướng tăng cường hợp tác quốc tế và đảm bảo tuân thủ các cam kết toàn cầu về giảm phát thải KNK. Việt Nam đã đặt mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 theo Thỏa thuận Paris, do đó, chính sách TCB cần được xây dựng sao cho phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời đảm bảo tính tương thích với các cơ chế định giá các-bon của các đối tác thương mại lớn. Điều này không chỉ giúp Việt Nam tránh được những rào cản thương mại như TCB điều chỉnh biên giới (CBAM) do EU và các nền kinh tế phát triển áp dụng, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư xanh và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khí hậu. Bên cạnh đó, Việt Nam cần chủ động tham gia vào các sáng kiến toàn cầu về định giá các-bon, thiết lập các cơ chế trao đổi tín chỉ phát thải và hợp tác trong khu vực để học hỏi kinh nghiệm triển khai chính sách TCB một cách hiệu quả.

4. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về thuế các bon hướng đến mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

4.1. Xây dựng khung pháp lý rõ ràng và toàn diện về thuế các-bon

Việc xây dựng một khung pháp lý rõ ràng và toàn diện về TCB là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo tính minh bạch, khả thi và công bằng trong quá trình thực thi chính sách. Trước hết, cần ban hành một hệ thống quy phạm pháp luật riêng về TCB, trong đó xác định cụ thể đối tượng chịu thuế, phương thức thu thuế, mức thuế suất, cũng như các cơ chế miễn, giảm thuế cho các DN có nỗ lực giảm phát thải hoặc đầu tư vào công nghệ xanh [4]. Hệ thống pháp luật cần được xây dựng theo hướng phân loại hợp lý theo từng ngành nghề, lĩnh vực, đảm bảo mức TCB không tạo áp lực quá lớn đối với những ngành thiết yếu nhưng vẫn đủ sức thúc đẩy các DB chuyển đổi sang mô hình sản xuất bền vững. Đồng thời, cần quy định rõ ràng về trách nhiệm của các cơ quan quản lý trong việc kiểm soát thuế, đo lường phát thải và xử lý vi phạm để đảm bảo tính hiệu quả trong thực thi. Một khung pháp lý rõ ràng, đồng bộ không chỉ giúp TCB trở thành công cụ hữu hiệu trong việc giảm phát thải KNK mà còn góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo hướng bền vững, phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực BVMT.

4.2. Xác định mức thuế hợp lý và linh hoạt theo lộ trình

Việc xác định mức TCB hợp lý và linh hoạt theo lộ trình là một trong những giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo chính sách này có thể triển khai hiệu quả mà không gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Theo đó, mức thuế ban đầu nên được thiết lập ở mức vừa phải để giúp DN có thời gian thích nghi với các quy định mới, đồng thời tránh làm gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh. Sau đó, mức thuế cần được điều chỉnh tăng dần theo lộ trình cụ thể, phù hợp với khả năng kiểm soát phát thải của từng ngành nghề, nhằm khuyến khích DN chủ động đầu tư vào công nghệ sạch và sử dụng năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế định giá các-bon linh hoạt, kết hợp giữa TCB và thị trường mua bán tín chỉ phát thải, giúp DN có thêm lựa chọn trong việc thực hiện nghĩa vụ giảm phát thải theo cách thức phù hợp với năng lực tài chính và mô hình kinh doanh của mình. Việc áp dụng mức thuế hợp lý theo lộ trình không chỉ tạo điều kiện cho doanh nghiệp chuyển đổi bền vững mà còn đảm bảo TCB thực sự trở thành công cụ hiệu quả trong việc kiểm soát ô nhiễm và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh.

4.3. Tăng cường hệ thống đo lường, báo cáo và kiểm soát phát thải

Để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi TCB, cần xây dựng một hệ thống đo lường, báo cáo và kiểm soát phát thải chặt chẽ, dựa trên các tiêu chuẩn khoa học và công nghệ hiện đại. Việc thiết lập cơ chế đo lường chính xác giúp xác định lượng khí thải của từng DN, tạo cơ sở pháp lý vững

chắc để áp dụng mức thuế phù hợp, tránh tình trạng kê khai sai hoặc trốn thuế. Đồng thời, cần phát triển một hệ thống báo cáo minh bạch, trong đó các DN phải định kỳ công khai lượng phát thải và các biện pháp giảm thiểu, giúp cơ quan quản lý giám sát và đánh giá mức độ tuân thủ. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải là một yêu cầu cấp thiết, không chỉ phục vụ cho công tác thu thuế mà còn hỗ trợ hoạch định các chính sách MT dài hạn. Việc áp dụng các công nghệ giám sát hiện đại như cảm biến đo lường khí thải, hệ thống theo dõi trực tuyến và cơ chế kiểm chứng độc lập sẽ góp phần nâng cao độ chính xác của dữ liệu, hạn chế gian lận và đảm bảo TCB thực sự phát huy vai trò trong việc kiểm soát ô nhiễm, hướng đến PTBV.

4.4. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn thu từ thuế các-bon

Việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn thu từ TCB đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chính sách này thực sự góp phần vào mục tiêu BVMT và PTBV. Để đạt được điều đó, cần có quy định pháp lý rõ ràng về việc phân bổ nguồn thu, trong đó ưu tiên đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo, hỗ trợ DN đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với MT, cũng như nâng cấp hạ tầng giao thông xanh nhằm giảm lượng khí thải từ các hoạt động kinh tế - xã hội. Đồng thời, việc sử dụng nguồn thu cần gắn liền với các chương trình nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH, giúp DN và người dân hiểu rõ trách nhiệm và vai trò của mình trong quá trình giảm phát thải. Đặc biệt, cần thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ, có sự tham gia của các tổ chức độc lập nhằm đảm bảo nguồn tài chính từ TCB được sử dụng minh bạch, đúng mục đích và mang lại hiệu quả thực tiễn. Khi được quản lý hợp lý, nguồn thu từ TCB không chỉ là công cụ kiểm soát ô nhiễm mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho sự chuyển đổi xanh của nền kinh tế, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế về BVMT và PTBV.

4.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các nước tiên tiến

Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia tiên tiến nhằm xây dựng một hệ thống TCB phù hợp với điều kiện trong nước và đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu. Việc tham gia các sáng kiến quốc tế về định giá các-bon không chỉ giúp Việt Nam tiếp cận với các mô hình quản lý phát thải tiên tiến mà còn tạo cơ hội để hợp tác, trao đổi công nghệ và thu hút đầu tư vào lĩnh vực kinh tế xanh. Đặc biệt, cần nghiên cứu và áp dụng có chọn lọc kinh nghiệm từ các quốc gia đã triển khai thành công TCB như EU, Canada hay Nhật Bản, từ đó xây dựng chính sách phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ với các đối tác thương mại nhằm đảm bảo hệ thống TCB của Việt Nam tương thích với các chính sách quốc tế, tránh việc bị áp đặt các rào cản thương mại như cơ chế điều chỉnh các-bon biên giới (CBAM) của EU. Khi hợp tác quốc tế được mở rộng, Việt Nam không chỉ nâng cao năng lực quản lý phát thải mà còn tạo nền tảng vững chắc để thực hiện các cam kết về giảm phát thải KNK, góp phần thúc đẩy PTBV và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

4.6. Nâng cao nhận thức và tạo động lực cho doanh nghiệp, người dân

Để chính sách TCB được triển khai hiệu quả và đạt được mục tiêu BVMT, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho DN và người dân về tác động của BĐKH cũng như lợi ích của việc áp dụng TCB trong việc giảm phát thải KNK. Việc phổ biến thông tin đầy đủ, minh bạch về cơ chế TCB sẽ giúp DN hiểu rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, đồng thời khuyến khích họ chủ động áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng, đầu tư vào công nghệ sạch và chuyển đổi sang mô hình sản xuất thân thiện với MT. Bên cạnh đó, cần có chính sách hỗ trợ, ưu đãi tài chính cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các DN vừa và nhỏ, giúp họ có điều kiện tiếp cận công nghệ mới và thích nghi với những thay đổi do chính sách TCB mang lại. Đồng thời, việc tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo và chiến dịch truyền thông về giảm phát thải cũng sẽ giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng, tạo sự đồng thuận trong xã hội và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Khi DN và người dân nhận thức rõ về vai trò và lợi ích của TCB, chính sách này sẽ phát huy hiệu quả cao hơn, góp phần thúc đẩy PTBV và thực hiện cam kết giảm phát thải của Việt Nam trên trường quốc tế.

5. Kết luận

Hoàn thiện pháp luật về TCB là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới PTBV và thực hiện các cam kết quốc tế về giảm phát thải KNK [5]. Việc xây dựng một khung pháp lý đầy đủ, minh

bạch và hiệu quả không chỉ giúp kiểm soát lượng phát thải, điều chỉnh hành vi sản xuất và tiêu dùng theo hướng thân thiện với MT, mà còn tạo động lực cho DN đổi mới công nghệ, sử dụng năng lượng sạch và phát triển mô hình kinh tế xanh. Để thực hiện thành công chính sách TCB, cần có những giải pháp đồng bộ như xác định mức thuế hợp lý theo lộ trình, nâng cao hệ thống đo lường và kiểm soát phát thải, quản lý và sử dụng nguồn thu hiệu quả, cũng như tăng cường hợp tác quốc tế và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo sự đồng thuận và thúc đẩy thực hiện chính sách một cách bền vững. Khi hệ thống pháp luật về TCB được hoàn thiện, Việt Nam không chỉ kiểm soát tốt ô nhiễm MT mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh và đảm bảo sự PTBV cho thế hệ tương lai.

Tài liệu tham khảo

[1] Nhữ Lê Thu Hương (2025), *Thúc đẩy phát triển thị trường carbon tạo động lực cho phát triển bền vững ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 02, tháng 01, tr. 33.

[2] Hải Vân (2024), *Cần hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường tín chỉ carbon*, nguồn: https://vneconomy.vn/can-hoan-thien-khung-phap-ly-cho-thi-truong-tin-chi-carbon.htm, truy cập ngày 27/02/2025.

[3] Anh Auditcare (2024), *Tài chính xanh là gì? Vai Trò của Tài chính xanh trong nền kinh tế bền vững*, nguồn: https://www.auditcare-vietnam.vn/blog/tai-chinh-xanh-la-gi-vai-tro-cua-tai-chinh-xanh-trong-nen-kinh-te-ben-vung/, truy cập ngày 27/02/2025.

[4] Phan Thị Thành Dương, Nguyễn Thị Thu Hiền (2022), *Thuế carbon - Kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam*, nguồn: https://danchuphapluat.vn/thue-carbon-kinh-nghiem-quoc-te-va-kien-nghi-hoan-thien-phap-luat-o-viet-nam, truy cập ngày 27/02/2025.

[5] Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Minh Tâm (2024), *Chuyển dịch năng lượng và mục tiêu Net Zero trên thế giới: Bối cảnh đặt ra với Việt Nam,* nguồn: https://tainguyenvamoitruong.vn/chuyen-dich-nang-luong-va-muc-tieu-net-zero-tren-the-gioi-boi-canh-dat-ra-voi-viet-nam-cid118480.html, truy cập ngày 27/02/2025.

CÔNG TÁC PHÁP CHẾ TRONG CƠ SỞ...

Tiếp theo trang 194

3. Kết luận

Công tác pháp chế phải thể hiện được vai trò then chốt trong việc bảo đảm quyền tự chủ, tăng cường hiệu quả quản trị và tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho hoạt động của cơ sở GDĐH ở Việt Nam. Trong bối cảnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giáo dục có nhiều thay đổi, hệ thống GDĐH đang đối mặt với nhiều thách thức từ yêu cầu đổi mới, hội nhập quốc tế và áp lực nâng cao chất lượng đào tạo, việc củng cố và hoàn thiện công tác pháp chế không chỉ giúp cơ sở GDĐH vận hành theo đúng quy định pháp luật mà còn tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tính linh hoạt, sáng tạo trong quản lý và giảng dạy. Công tác pháp chế hiệu quả sẽ góp phần đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong quá trình ra quyết định, tăng khả năng thích ứng trước biến động về kinh tế - xã hội, giúp cơ sở GDĐH tối ưu hóa nguồn lực, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng hợp tác quốc tế, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Vì vậy, việc củng cố và phát triển công tác pháp chế trong cơ sở giáo dục nên được xem là một ưu tiên trong lộ trình phát triển chung bên cạnh các ưu tiên khác, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2023), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

[2] Quốc hội (2018), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*, Luật số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018.

[3] Chính phủ (2011), *Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, ngày 04/7/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.*

[4] Chính phủ (2024), *Nghị định số 56/2024/NĐ-CP, ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.*

[5] Trung tâm Truyền thông và Sự kiện - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Hội nghị Tổng kết công tác pháp chế ngành Giáo dục năm học 2023-2024*, nguồn: https://moet.gov.vn, ngày 8/10/2024.

[6] Dương Thị Tuyết Nhung, Nguyễn Ngọc Dương, Nguyễn Thị Thắm, Vũ Hội Khánh Hà, Nguyễn Minh Thu (2018), *Công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay,* Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất, tập 59 kỳ 2, tr. 87-92.

[7] Trung tâm Truyền thông và Sự kiện - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác pháp chế tại các cơ sở giáo dục đại học,* nguồn: https://moet.gov.vn, ngày 4/7/2024.